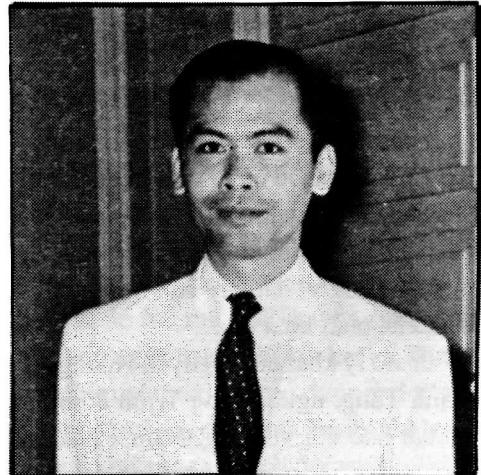


THĂNG LONG - PHÚ XUÂN - GIA ĐỊNH

Suy ngẫm về 250 năm tướng tranh Trịnh - Nguyễn - Tây Sơn



Tôn Thất Thiện

Năm 1558, Nguyễn Hoàng, vì muốn tránh bị Trịnh Kiểm giết như ông anh là Nguyễn Uông, xin đi giữ chức trấn thủ Thuận Hóa. Sự kiện này là khởi điểm của một cuộc tướng tranh Trịnh-Nguyễn lâu dài. Sau năm 1774 cuộc tướng tranh này trở thành một cuộc tướng tranh tay ba khi Tây Sơn nổi lên chống chúa Nguyễn, rồi chống luôn chúa Trịnh và, sau đó chiếm Phú Xuân, tiến quân ra Thăng Long, dứt luôn cả Nhà Lê. Cuộc tướng tranh này chấm dứt năm 1802, sau khi, từ Gia Định Nguyễn Phúc Ánh tiến dần lên phía bắc, tái chiếm Phú Xuân, lên ngôi hoàng đế, và xua quân ra chiếm luôn Thăng Long, trở thành vị vua đầu tiên của một nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất sau 250 năm phân chia.

Trong 250 năm Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn tướng tranh, nhân dân Việt Nam bị diêu đứng về chiến tranh liên miên từ Cà Mau đến Cao Bằng, nhưng lịch sử 250 năm này chưa đựng một số bài học mà người Việt nhất là những người ưu tú về chính sự, cần suy ngẫm. (1)

I. Trịnh-Nguyễn

Năm 1527 Mạc Đăng Dung tiếm ngôi vua Lê và xưng đế. Cuộc tiếm vị này là một dịp cho những người

tài ba như Nguyễn Kim xuất hiện. Nguyễn Kim đánh bại họ Mạc, tái lập nhà Lê (1535), lấy lại Tây Đô (Thanh Hóa), và sau đó Thăng Long (1545). Nhưng thay vì trở thành một đại công thần của Triều đình Nhà Lê thì ông bị đầu độc chết (1545). Địa vị đại công thần, với chức vị Thủ tướng phụ, Thái sư, rồi vào tay người rể ông là Trịnh Kiểm.

Muốn ‘ ổn định’ tình hình, nghĩa là nắm toàn quyền, tung hoành mà không bị ai cản trở, Trịnh Kiểm mưu giết con của Nguyễn Kim. Nguyễn Uông là nạn nhân đầu tiên. Em Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng, sáng suốt, biết rằng sau anh mình sẽ đến mình. Và ông khôn ngoan nghe lời ông Trạng Trinh Nguyễn Bỉnh Khiêm *Hoành sơn nhất dái vạn đại dung thân*, nhò chị là Ngọc Bảo, vợ Trịnh Kiểm, xin cho làm Trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Kiểm chấp nhận, nghĩ rằng quyết định như vậy là chính trị cao:

1/ đẩy một người có uy thế, có thể cạnh tranh với mình, đi xa để làm một nhiệm vụ đầy nguy hiểm, có thể đi mà không về,

2/ có người có khả năng chống đỡ tôi Nhà Mạc đang khuấy phá Thuận Hóa.

Nhưng thật ra, nhìn dài hạn, quyết định của Trịnh Kiểm lại có hậu quả ngược lại: nó tạo ra một trung

tâm quyền lực ở xa, vừa ngoài vòng kiểm soát của mình, vừa có tiềm năng phát triển và trở thành lớn mạnh hơn Thăng Long.

Trong muối năm đầu, Nguyễn Hoàng chỉ là Trần thủ Thuận Hóa, một mảnh đất tương đối nhỏ, gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên ngày nay. Với chừng đó đất, Nguyễn Hoàng không đủ tài nguyên, không có hậu cần để công khai chống Trịnh. Vả lại Trịnh Kiểm cũng chưa rõ ý đồ thanh toán ông: năm 1569, Trịnh Kiểm còn xin vua cho Nguyễn Hoàng kiêm luôn chức trấn thủ Quảng Nam. Với đất đai rộng hơn, tài nguyên dồi dào hơn, thế của Nguyễn Hoàng mạnh hơn, nhưng ông sáng suốt chưa tiết lộ ý định ly khai, vì đất này còn mới hơn đất Thuận Hóa nữa, cần phải khai phá.

Ý đồ ly khai của Nguyễn Hoàng bắt đầu lộ ra khi Trịnh Tùng, người kế vị Trịnh Kiểm (1570) có thái độ bất hảo đối với ông. Năm 1592, Nguyễn Hoàng đem quân ra bắc giúp vua đánh dẹp tàn quân họ Mạc và ở lại Thăng Long chầu vua, nhưng ở đó tầm năm mà không hề thấy Trịnh Tùng nói đến chuyện cho ông về lại nhiệm sở. Do đó, năm 1600 ông lén rời Thăng Long để trở lại Thuận Hóa. Tuy vậy, cho đến khi qua đời, năm 1613, trong hơn 50 năm làm Tổng Trần Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng không hề có cùi chỉ công khai chống lại Triều đình. Với Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên kế vị, sự dè dặt đó không cần nữa, vì chúa phuông nam cảm thấy mình nay đã có đủ sức đương đầu với Trịnh. Năm 1620, chúa Sãi công khai không nộp thuế cho Thăng Long nữa.

Hành động của Chúa Sãi đặt Trịnh Tùng và những người kế vị một ‘việc phuông nam’ lớn mà họ phải ‘giải quyết’: sự hiện diện ở phuông nam của một thế lực độc lập thách thức chính quyền trung ương. Từ 1627 đến 1672, Trịnh Tùng và những người kế vị ông bảy lần cùi binh đánh Chúa Nguyễn, nhưng không ‘giải quyết’ được vấn đề: lần nào họ cũng thất bại.

Chúa khai quốc, Nguyễn Hoàng (Đoan quận công), là vị chúa có bản lĩnh nhất, và công lao nhất của Nhà Nguyễn. Lúc vào trấn thủ Thuận Hóa, phải đối phó với một tình hình rất phức tạp và với nhiều khó khăn, nhưng Nguyễn Hoàng đã ổn định được tình hình và vượt qua những khó khăn đó. Sử ghi như sau:

Nhân dân Thuận Hóa bấy giờ gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người châm lo cày cấy, làm ăn, còn những người theo Nhà Mạc hoặc
TSH144

khuấy động cho Nhà Mạc, những người từ đây, những du dãng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh, hoặc xa hơn nữa, xâm nhập qua các thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những quan quân bắt mẫn họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào nam, những thổ hào, thổ tù cướp ngạnh, những nhiễu lương dân, những người Chàm còn ở lại. Bấy nhiêu hạng người, Đoan quận công phải khai hóa họ, buộc họ phải yên ổn làm ăn, khiến họ từng phục minh. Công việc ấy không phải dễ dàng. Và chúa đã làm tròn sứ mạng.... Chúa vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, nhẹ suu thuế, dân chúng vui phục, thường gọi là Chúa Tiên.

(Phan Khoang, I, 138).

Nhà Nguyễn lại được cái may mắn là Nguyễn Hoàng, một vị chúa tài ba đức độ, bản lãnh cao, lại sống lâu (89 tuổi), và ở ngôi rất lâu (55 năm). Trước khi chết, Chúa căn dặn con cái như sau, những lời dặn có giá trị lớn về chiến lược và chính trị căn bản:

Đất Thuận, Quảng phía bắc có sông Linh Giang hiểm trở, phía nam có núi Hải Vân, núi Thạch Bi vững bền; núi sinh vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dung thân của những kẻ anh hùng. Nếu biết dạy dân, luyện binh, để chống chọi với họ Trịnh thì dù xây dựng sự nghiệp muôn đời; nếu thế lực không địch được thì cố giữ đất đai để chờ đợi thời cơ.

(Phan Khoan, I, 164)

Thời cổ đã đến sớm hơn Chúa Nguyễn Hoàng dự tính, vì chỉ 7 năm sau khi ông mất, người kế vị là Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã không do dự ly khai với Thăng Long. Sử ghi: năm 1629, thời chúa thứ hai, Sãi Vượng Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), Trịnh Tráng muốn đem quân đánh phuông nam, thì có bầy tôi Nguyễn Danh Thế can ngăn, nói rằng: *Nay nam phuông vua tôi hòa mục, nước giàu binh mạnh, không nên dùng binh.* (Phan Khoang, I, p.178)

Về thời chúa thứ ba, chúa Thuượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), sử viết: từ thời Thái Tổ (Nguyễn Hoàng)... trừ hai vụ giao tranh nhỏ (1627, 1633) trong nước yên ổn, lại mưa nắng thuận hòa... bấy giờ nước giàu, dân thịnh, có cảnh tượng thái bình

(Phan Khoang, I, p.191).

Trong thời này, có lúc Chúa Nguyễn Phúc Lan sa ngã, chói bời xa xỉ, giết oan nhiều người, nhưng Chúa tinh ngộ kíp, cho nên lúc Trịnh vào đánh, không thắng được, một phần vì thời tiết, quân ốm chết nhiều..., nhưng một phần cũng nhỏ có tướng giỏi, như Dũng

Lễ Hầu, Nguyễn Phúc Tần, chúa Hiền sau này. Dũng Lễ Hầu cũng là người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đánh bại một lực lượng thủy quân Tây phuong (Hoa Lan). Tướng giỏi chỉ thi thố được tài năng nếu gặp chúa tốt.

Thời Chúa Hiền (1648-1687), cũng là thời kỳ thái bình thịnh trị như lời sử chép: *Bấy giờ trong cõi vô sự, thóc lúa được mùa, Chúa càng sửa sang chính trị, không xây đai tạ, không gần thanh sắc, giảm nhẹ giao dịch, thuế má, trăm họ vui vẻ, đều khen là đời thái bình.* (Phan Khoang., I, 213)

Và cũng may mắn cho Nhà Nguyễn, chúa Hiền cũng sống lâu (68 tuổi) và trị vì lâu (39 năm). Trước khi chết ông nhán con là Nguyễn Phúc Trăn, Chúa Nghĩa: *noi thánh đức của tổ tông, cầu hiền dài sỹ, thương dân, yêu binh, chớ tin lời đem pha, chớ bỏ những người ngay thẳng, để xây nghiệp lớn, ấy là đại hiếu.* (Phan Khoang, I, 216)

Năm 1687 Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trăn (1689-1691) dời dinh đến Phú Xuân, xây cung, điện. Năm 1744, Chúa thứ sáu, Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) xưng Quốc chúa. Lên ngôi lúc mới 17 tuổi, Chúa *miễn thuế cho dân, chiêu hiền dài sỹ, cầu lời nói hay, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, nhẹ thuế má diêu dịch, bớt việc hình ngục.* Dưới đồi chúa này, năm 1697 đặt phủ Bình Thuận và lập Phiên Trấn (Gia-Định), đất đai Nhà Nguyễn mở rộng từ Quảng Bình đến Phan Thiết và tràn vào Gia Định.

Năm 1744, Chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát, xưng Quốc Vương. Từ nay, 'Xứ Đàng Trong' là một quốc gia riêng biệt, độc lập. Dinh Phú Xuân, nay là thủ đô, dời đến một khu mới và mang danh Đô Thành.

Trong tương tranh Trịnh-Nguyễn, các chúa Nguyễn có một yếu tố căn bản mà họ Trịnh thiếu: chính nghĩa. Cả chúa Nguyễn lẫn chúa Trịnh đều tuyên bố 'phò Lê', nhưng thế của chúa Nguyễn tốt hơn, vì chúa Trịnh không những lấn áp uy hiếp vua, mà còn giết vua (Trịnh Tùng giết Vua Lê Anh Tông năm 1573 và Vua Lê Kính Tông năm 1619), trong khi các chúa Nguyễn không mang tiếng đó, mà lại còn khéo léo, tuy đã thiết lập một quốc gia độc lập (de facto sau 1620 và de jure, xưng Quốc vương năm 1744), nhưng cho đến khi Tây Sơn dứt nhà Lê, họ Nguyễn vẫn giữ niên hiệu nhà Lê. Họ tuyên bố chỉ vì phò Lê mà chống họ Trịnh. Dân gian và quần thần cả Miền Nam lẫn Miền Bắc tin như vậy. Cho nên không những Chúa

Trịnh không 'giải quyết được vấn đề phuong nam' - diệt Nguyễn - và lúc lâm nguy thật sự, họ Trịnh không được sự che chở của dân như chúa Nguyễn.

Phần khác, sau 1692, 'Xứ Đàng Trong' không còn là hai trấn Thuận Quảng nữa, mà là một quốc gia lãnh thổ rộng lớn hơn, dân đông hơn, tài nguyên dồi dào hơn, liên lạc với quốc tế thuận lợi hơn, dàn từ sông Gianh đến Cà Mau, Châu Đốc, Hà Tiên. Quốc gia này gồm hai vùng đất sẽ mang tên vào lịch sử: Phú Xuân và Gia Định.

Lãnh thổ Việt Nam được mở rộng, và khai thác đến Bình Thuận, là công trình của các chúa Nguyễn. Tất nhiên, nhu cầu có tài nguyên nhân lực để đương đầu với họ Trịnh là một yếu tố quan trọng. Nhờ có thêm tài nguyên nhân lực mà họ Nguyễn mạnh hơn họ Trịnh nhiều. Nếu ngày trước chỉ với hai xứ Thuận, Quảng các chúa Nguyễn đã phá vỡ được ý đồ 'giải quyết việc phuong nam' của các chúa Trịnh đến 1672, thì sau đó thế lực họ lại càng vô địch đối với họ Trịnh. Đó là đối với miền bắc, cho đến năm 1771. Từ năm này trở đi họ Trịnh phải đối phó với một thách thức từ miền nam đến: thách thức Tây Sơn.

II. Trịnh, Nguyễn và Tây Sơn

Nhà Nguyễn, cũng như nhiều triều đại khác, sau một thời kỳ hưng thịnh thì gặp một thời gian suy nhược. Tình trạng này xảy ra dưới thời Định Vượng Nguyễn Phúc Thuần, chúa thứ tám (1765-1776). Chúa còn nhỏ, mới 12 tuổi lúc kế vị, chỉ thích vui chơi, ca hát, và các đình thần cũng chỉ rượu chè, xa xỉ, yến tiệc vui chơi, không lo gì đến việc nước.

Nguyễn do của tình trạng trên là Trưởng Phúc Loan, cậu của Nguyễn Phúc Khoát, xáo trộn kế vị, loại công tử Luân, con thứ hai của Nguyễn Phúc Khoát, đưa Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa để dễ lũng đoạn.

Tình trạng triều chính Nhà Nguyễn hỗn loạn, quần thần bất mãn và dân gian oán thán Trưởng Phúc Loan tạo điều kiện lý tưởng cho những kẻ muốn đánh sụp Nhà Nguyễn. Trong số này có hai người nôn nóng ra tay: ở phuong bắc Chúa Trịnh chò cõ hội này từ lâu; và phuong nam một người có tham vọng lớn, Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc ra tay trước. Từ năm 1771, chiêu nạp bè đảng và thu phục nhân tâm, năm 1773 Nguyễn Nhạc dường cõi Tây Sơn, đem quân đánh chiếm Qui

Nhớn và sau đó, tiến lên Quảng Nam.

Từ phía bắc, Trịnh Sâm, được báo cáo về tình hình nội bộ Nam Hà rối ren, thấy đây là thời cơ để ‘giải quyết việc phuông nam’. Quân Trịnh dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh chiếm Thuận Hóa dễ dàng. Khởi binh vượt sông Gianh vào tháng 10 (1774), qua tháng 2, quân Trịnh đến Hồ Xá (Quảng Trị) và tháng 3 (1775) chiếm thành Phú Xuân.

Ở phía nam cũng vậy. Tây Sơn tiến quân chiếm Quảng Nam dễ dàng vì quân đội Nhà Nguyễn *bấy giờ trong nước vô sự lâu ngày, tướng sĩ không quen trận mạc, nên khi phải đi đánh, phần nhiều tim có để xin miễn, Trưởng Phúc Loan ăn của đút lót, sai thay người khác, người bị sai sau xin thay không được, sinh oán hận, binh sĩ đều bất bình, nên ra trận chạy ngay.* (Phan Khoan, I, 258).

Trong khi đó, công tộc, đại thần Nhà Nguyễn âm mưu lật Trưởng Phúc Loan, gây rối loạn. Quân Tây Sơn đương nhiên trở thành quân trù loạn Trưởng Phúc Loan.

Trước khi tiến vào Phú Xuân, Hoàng Ngũ Phúc kêu gọi Định Vương hội tại Phú Xuân để cùng đánh giặc Tây Sơn. Không cần thông minh lầm Định Vương cũng phải hiểu rằng quân Trịnh vào nam không phải để cứu, mà để diệt họ Nguyễn. Cho nên cuối tháng 12 âm lịch (1774), để tránh bị kẹt vào thế gọng kìm - Trịnh ở phía bắc đánh xuống, Tây Sơn ở phía nam đánh lên - Định Vương cùng hai cháu là Hoàng Tử Dương và Nguyễn Ánh xuống thuyền trốn vào Quảng Nam.

Lúc này suốt từ nam Quảng Nam đến Bình Thuận đều đã bị Tây Sơn chiếm cứ, không còn nơi nào Chúa Nguyễn có hy vọng nương thân. Đến Quảng Nam không ở lâu được, Chúa Định Vương lại phải dong thuyền vào Gia Định, chỉ dẫn theo được một người cháu là Nguyễn Ánh, vị cứu tinh của Nhà Nguyễn sau này; người cháu thứ hai, Hoàng Tử Dương, mắc kẹt tại Quảng Nam, bị Nguyễn Nhạc bắt.

Ở đây có hai điểm đáng ghi.

Một là: Trịnh Sâm chỉ muốn diệt trừ uy thế họ Nguyễn chô khôn tham vọng chiếm cứ lãnh thổ Nam Hà. Về điểm này, ông ta chia sẻ quan niệm của đình thần Thăng Long là ‘Nam Hà là đất của Nhà Nguyễn’. Mà đúng vậy. Ở đây, dân không có cảm tình với họ Trịnh và quân dân Bắc Hà. Cho nên, Trịnh Sâm, lúc đó đang đóng ở Nghệ An, không buồn bước chân đến Phú Xuân. Ông ta chỉ ham hố vé kho tàng của Chúa Nguyễn. Xong việc, ông trở về bắc ngay vì uy thế

của họ Trịnh ở Thăng Long cũng không phải là vững chắc lắm.

Hai là: họ Trịnh không có khả năng chiếm giữ Nam Hà. Hoàng Ngũ Phúc, viên tướng đang say men thắng trận, muốn xua quân tiến thêm về miền nam. Trịnh Sâm không tán thành lám, nhưng cho ông ấy tùy tiện. Được phép, Hoàng Ngũ Phúc vượt đèo Hải Vân vào Quảng Nam và chạm trán không phải với quân Nguyễn, mà với quân Tây Sơn. Tuy thắng trận, ông ta cũng nản, vì quân Trịnh, một phần vì trận chiến, một phần vì mắc bệnh, chết quá nửa. Do đó, thửa dịp Nguyễn Nhạc xin đầu hàng và tinh nguyện làm tiền khu di đánh họ Nguyễn, Hoàng Ngũ Phúc xin Trịnh Sâm cho rút quân về Thuận Hóa, và phong cho Nguyễn Nhạc làm Tiên phong tướng quân. Trịnh Sâm chấp nhận ngay. Sau 200 năm, họ Trịnh và quần thần khám phá sự thật: ‘Nam Hà là đất của Nhà Nguyễn’.

Họ Trịnh không đủ khả năng chiếm, và nhất là giữ, đất Thuận Quảng vì từ Thăng Long vào Phú Xuân đường xa; đến Bình Thuận còn xa hơn, vào đến Gia Định hay tận Hà Tiên thì lại quá xa, trong khi Chúa Trịnh không thể đi vắng lâu, bỏ ngỏ Thăng Long. Xua quân vào nam là bỏ mồi bắt bóng, làm một chuyện phiêu lưu. Phần khác, muốn đánh chiếm Miền Nam, chỉ đến Bình Thuận thôi, chưa nói đến Hà Tiên, Phú Quốc, phải có nhiều quân lính, khí giới, binh thuyền, lương thực. Những thứ này Bắc Hà không đủ sức cung cấp, phải thâu gộp ở Nam Hà.

Bắt dân Nam Hà đóng góp binh sĩ, quân nhu, lương thực để đánh Chúa Nguyễn, chúa của họ, trên đất của họ, là một việc khó thực hiện được. Phần khác, trong nhăn quan của dân Thuận Hóa, quan quân nhà Trịnh chỉ là một đội quân chiếm đóng, nhất là, sau khi chiếm Phú Xuân, ý đồ diệt, thay vì cứu Nguyễn, được biểu lộ rõ ràng. Nói về tình hình Thuận Hóa khi quân Trịnh chiếm đóng Phú Xuân, Lê Quý Đôn viết:

Bấy giờ binh dân ở lẩn lộn nhau, quân đội ý thế cướp đoạt, dở các trại lính cũ để làm cũi, đặt những đòn mới để bắt bớ, khám xét, tiền kẽm không ăn, giá lúa vọt lên cao... Về phía quan thì Trần Vũ Phạm Ngô Cầu là ‘người ngược hoạnh, tham nhiều, dày xéo nhân dân’. Dân lại bị buộc thay đổi y phục, ăn mặc theo lối Bắc Hà. (Phan Khoang, I, 301-302)

Cũng vì vậy, khi quân Tây Sơn tiến ra bắc dưới chiêu bài ‘hò Lê Diệt Trịnh’, quân thần dân chúng Thuận Hóa đều hưởng ứng. Quân Trịnh thua chạy bị

dân đánh, giết. Về phía các chúa, thì Đoan Nam Vương Trịnh Khải, thay vì được dân che dấu bảo vệ lại bị dân bắt bỏ cùi nộp Tây Sơn, phải tự vận, còn Trịnh Bồng, vị chúa cuối cùng, *khỏi binh mấy lần* (*để chống Nguyễn Hữu Chỉnh*) *nhưng không thành công, chán nản sự đời bèn bỏ đi tu, về sau không ai biết chết ở đâu.*

(Trần Trọng Kim, II, 123).

Các chúa Nguyễn không có ai bị như vậy. Ngay cả trong những lúc bị quân Tây Sơn lùng đuổi ráo riết, trên đất Gia Định, khi nào, nơi nào, Nguyễn Ánh cũng có trung thần phò tá, dân gian che chở bảo vệ và không ngại góp công góp của giúp Nguyễn Ánh gây dựng lực lượng nhằm khôi phục cờ đồ. Nhân tâm Miền Nam hướng về chúa Nguyễn. Cảm tình của dân Miền Nam đối với Nhà Nguyễn còn sâu đậm lâu ngày về sau (2). Dân chúng Nam Hà chỉ chấp nhận Chúa Nguyễn là chúa chính thống của họ. Đây là một sự thật cũng sẽ đến với Tây Sơn sau này khi họ phải đối phó với Nguyễn Ánh ở Thuận-Quảng, nhất là ở Gia Định.

Tiến quân vào đến Châu Ô, ranh giới Quảng Nam-Quảng Ngãi ngày nay, Hoàng Ngũ Phúc gặp quân của Nguyễn Nhạc và đánh bại quân Tây Sơn ở Cẩm Sa. Nhận thấy lực lượng mình còn yếu, Nguyễn Nhạc xin hàng, dâng ba phủ Qui Nhơn, Quảng Ngãi, Quảng Nam, và tinh nguyện làm tiền quân của Chúa Trịnh đánh Nguyễn. Yêu cầu này được chấp thuận. Rảnh tay về phía bắc, Nhạc sai em là Nguyễn Lữ vào đánh Gia Định và chiếm Sài Gòn (1776), rồi tự xưng Tây Sơn Vương. Năm sau, 1777, Nguyễn Nhạc xin làm Trấn Thủ Quảng Nam, Trịnh Sâm chấp thuận và phong cho tước quận công (Cung Quận Công). Với những vận động này, Tây Sơn mất một yếu tố rất quan trọng trong cuộc chiến tay ba Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn: chính nghĩa.

Tây Sơn mất chính nghĩa về ba phía: phía họ Nguyễn; phía họ Trịnh; phía Nhà Lê.

Dấy cờ khởi nghĩa, quân Tây Sơn nhân danh chống chế độ chuyên quyền thối nát của Trưởng Phúc Loan. Hành động này hợp lòng dân, nên uy thế của Tây Sơn tăng mau. Sau khi quân Tây Sơn chiếm được Qui Nhơn và tiến ra Quảng Nam, họ bắt được Đông Cung Dương, đưa về Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc muốn dùng chiêu bài ‘Phò Đông Cung’ chống Trưởng Phúc Loan để thu hút sự ủng hộ của dân và quần thần họ Nguyễn. Đây là một chiêu bài tốt, và lúc đầu ngay cả Đông Cung Dương và cận thần cũng mắc lừa. Nhưng

sau khi Nhạc dùng chiêu bài này để lừa giết Tống Phước Hợp và chiếm Phú Yên thì tâm địa và ý đồ của Tây Sơn được phơi bày ra ánh sáng. Đông Cung Dương trốn khỏi Qui Nhơn và chạy vào nam. Tây Sơn không còn dùng danh nghĩa ‘Phò Đông Cung’ được nữa.

Năm 1776, sau khi Nguyễn Lữ đánh chiếm được Sài Gòn, Nguyễn Nhạc tự xưng vương. Năm sau, Nguyễn Huệ lại đánh Gia Định, bắt giết được Duệ Tông và Đông Cung Dương.

Năm 1778 Nguyễn Nhạc tự xưng đế (Hoàng Đế Thái Đức). Năm 1786 Nguyễn Huệ đem quân ra đánh lấy Phú Xuân rồi tiến ra Thăng Long với danh nghĩa ‘Diệt Trịnh Phò Lê’. Đây là một chiêu bài tốt đối với Bắc Hà. Thanh toán xong họ Trịnh, Nguyễn Huệ rút quân về Thuận Hóa, để Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại. Vua Lê Chiêu Thống binh lực không có, thế cô, bị cả Trịnh lẫn Tây Sơn uy hiếp, cầu cứu Trung Quốc, tạo cho nhà Thanh cơ hội tốt đem quân xâm lăng và thôn tính Việt Nam. Nhưng Nguyễn Huệ đánh tan được quân Thanh, chấm dứt luôn Nhà Lê. Với dữ kiện này, chiêu bài ‘Phò Lê’ cũng tiêu tan. Từ nay, những chiêu bài tốt mà Tây Sơn có thể dùng ở Nam Hà lẫn Bắc Hà đều hết hiệu nghiệm.

III- Nguyễn-Tây Sơn

Nếu Tây Sơn diệt được hết kẻ địch, kể cả những thân thích họ Nguyễn, và giữ vững chính quyền được một thời gian khá lâu để ổn định chế độ thì có thể họ sẽ gây dựng được một vương triều có khả năng tồn tại lâu dài. Nhưng họ không diệt được hết thân thích họ Nguyễn: ở Gia Định còn Nguyễn Ánh, con của công tử Luân, con thứ hai của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Nguyễn Ánh là người có đủ điều kiện để lên ngôi vương sau khi Định Vương và Tân Chính Vương bị giết và trong thân thích Chúa Nguyễn không còn ai sống sót. Năm 1778 quần thần Nhà Nguyễn tôn Nguyễn Ánh, lúc đó 17 tuổi, lên làm Đại Nguyên Soái, Nhiếp Quốc Chính; năm 1780 Nguyễn Ánh xưng vương. Với chức vị, Nguyễn Ánh bây giờ là người có uy quyền và chính nghĩa: ông là người chỉ huy một lực lượng tranh đấu dưới danh nghĩa: khôi phục Nhà Nguyễn, phò Lê diệt Tây Sơn. Chính nghĩa này có giá trị toàn quốc, ở Nam Hà lẫn Bắc Hà, từ Gia Định đến Qui Nhơn, Phú Xuân và Thăng Long.

Với chính thống và chính nghĩa, ở Gia Định Nguyễn Ánh trở thành một đối thủ mà Tây Sơn không diệt được. Anh em Tây Sơn đem quân vào đánh Gia Định năm lần: năm 1776 (do Nguyễn Lữ chỉ huy); năm 1777 (Nguyễn Lữ-Nguyễn Huệ); năm 1782 (Nguyễn Nhạc-Nguyễn Huệ); năm 1783 (Nguyễn Lữ); năm 1784 (Nguyễn Huệ). Nhưng Tây Sơn không diệt được Nguyễn Ánh. Dù phải điêu đứng, chạy trốn khắp nơi, trên đất Gia Định, chạy ra Phú Quốc, hay lánh nạn ở Xiêm, không khi nào Nguyễn Ánh bị quần thần và dân chúng bỏ rơi. Và mỗi lần, sau khi Lữ, Nhạc, Huệ rời Sài Gòn về Qui Nhơn lại có trung thần Nhà Nguyễn dấy quân đánh lấy lại Sài Gòn và rước Nguyễn Ánh về. Năm 1788 Nguyễn Ánh về lại Sài Gòn. Lần này, khỏi phải chạy nữa, vì chỉ sau một năm trời lao khổ Nguyễn Ánh đã quét sạch Tây Sơn để làm chủ Gia Định.

Năm 1789, với sự đầu hàng của viên tướng Tây Sơn cuối cùng, Phạm Văn Sâm, ở Ba Thắc, trên đất Gia Định không còn bóng dáng quân Tây Sơn. Phần khác, Tây Sơn bận tay ở phuông bắc vì lùng cung nội bộ, vì phải đối phó với xâm lăng Tàu, nên Nguyễn Ánh có tạm đủ thời gian gây dựng lực lượng, chờ ngày tiến quân ra bắc.

Ngoài chính thống và chính nghĩa, Nguyễn Ánh còn những lợi điểm quan trọng khác mà Tây Sơn thiếu.

Thuận Quảng là đất của Nhà Lý, Nhà Trần, Nhà Lê, Nhà Hồ lấy được của Chiêm Thành. Nhà Nguyễn chỉ có công khai phá. Nhưng Gia Định - từ Bình Thuận đến Cà Mau, Hà Tiên, Vĩnh Long, Châu Đốc - là đất không những họ Nguyễn có công khai phá, mà chính họ đã chiếm lĩnh được. Giữ được truyền thống cai trị khôn khéo của các chúa Tiên, Sãi, Hiền, Nguyễn Ánh cai trị vùng đất mới một cách khéo léo và được dân quân mến phục. Dù bị Tây Sơn truy lùng gắt gao, Nguyễn Ánh không bị dân bắt nộp cho địch, như Đoan Nam Vương Trịnh Khải bị dân bắt nộp cho Tây Sơn, và như sẽ thấy sau này, Nguyễn Quang Toản, Vua Cảnh Thịnh, kế vị Nguyễn Huệ, bị dân bắt và đóng cùi nộp cho Nguyễn Ánh sau khi quân nhà Nguyễn giải phóng thành Phú Xuân.

Quân Tây Sơn xâm chiếm Gia Định năm lần, nhưng cứ đánh xong là trở về Qui Nhơn, chỉ để lại một lực lượng nhỏ, và quân thần của Nguyễn Ánh lại vùng lên tái chiếm Sài Gòn. Ngay cả Nguyễn Lữ, được cử làm Đông Định Vương và được chia cho đất Gia

Định, Nguyễn Lữ không hề đóng đô ở Sài Gòn, và cuối cùng bị đánh bại, chạy về chết ở Qui Nhơn, không để lại vết tích gì ở Gia Định cả.

Nguyễn Nhạc tuy xứng đế, nhưng chỉ khu khu ôm vùng Qui Nhơn, không thiết gì đến đất Gia Định. Dù sao, Nguyễn Nhạc không tài ba như Nguyễn Huệ, không phải là địch thủ của Nguyễn Ánh.

Chỉ có Nguyễn Huệ là có khả năng hơn cả. Nhưng mộng của Nguyễn Huệ là làm anh hùng phuông Bắc, và do súc với cả Trung Quốc (3). Là một võ tướng tài ba, Nguyễn Huệ đã đánh bại quân Nhà Thanh, đuổi tướng Thanh Tôn Sĩ Nghị chạy dài, được hậu thế ca tụng.

... Nước đã mất, thì phải lấy nước lại, Nguyễn Huệ đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tướng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy. (T.T.Kim, II, 129)

Nguyễn Huệ là người tài ba và anh hùng. Nhưng, trong cuộc tướng tranh Nguyễn-Tây Sơn, người thắng trận cuối cùng không phải là Nguyễn Huệ, mà là Nguyễn Ánh. Cái chết của Nguyễn Huệ năm 1792 là một điều may cho Nguyễn Ánh. Đã dành. Nhưng có lẽ nó cũng là một điều may cho Nguyễn Huệ. Nếu còn sống, trong cuộc tranh đua với Nguyễn Ánh, uy tín của Nguyễn Huệ có thể bị sút mẻ vì ông khó thắng được Nguyễn Ánh.

Lý do, và đây là lợi điểm thứ hai của Nguyễn Ánh, là từ 1789 trở đi, có những yếu tố khách quan làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về Gia Định, và về căn bản, khả năng gia tăng lực lượng và thế lực của Tây Sơn chỉ có thể càng ngày càng giảm đi, trong khi khả năng của Nguyễn Ánh càng ngày càng lớn thêm.

Gia Định đất đai rộng lớn, có nhiều tài nguyên, không những đủ thỏa mãn nhu cầu của dân chúng và chính quyền, đặc biệt là nuôi quân, chế khí cụ, đóng chiến thuyền, mà còn để xuất cảng mua sắm dụng cụ và nguyên liệu, nhứt là đồng, chì, và lưu hoàng, diêm tiêu, quân nhu và khí giới - súng hỏa tiêu, súng đại bác và cả tàu đi biển. Nhờ sẽ thấy ở đoạn sau, Nguyễn Ánh có gạo, đường, muối, lâm sản để mua bán, đổi chác với ngoại quốc. Trong khi đó thì Tây Sơn ở tình trạng nghèo cúc:

Tình trạng nghèo cúc của Tây Sơn không phải là một điểm lạ. Họ nổi dậy thửa hưởng một xứ cùng khổ săn, càng cùng khổ hơn vì tàn phá của chiến tranh,

ruộng đất bỏ hoang, công nghệ lụn bại, khiến họ khó khăn khi muốn phát triển quyền lực quá giới hạn địa phuơng của họ.

Chiếm thêm Quảng Nam, họ chỉ thêm được một xứ tan nát Nguyễn-Trịnh để lại. Họ phải mua những vật dụng cần thiết nhất của các thuyền buôn Trung Hoa nhập cảng với giá cắt cổ. Tiền bạc do đó hụt dần và họ phải phá nhà thờ, nhất là chùa để lấy chuông tuợng đúc tiền. (Đại Trưởng, 108)

Về nhân lực, tuy Gia Định không đông dân hơn Tây Sơn từ Bình Thuận trở ra, nhưng lòng dân hướng về họ Nguyễn, cho nên càng tiến về phía bắc nhân lực của quân Nguyễn càng có cổ gia tăng. Phần khác, dân số vùng Tây Sơn tuy đông hơn, nhưng Tây Sơn chia thành ba nước, anh em kinh địch nhau, và mỗi người chỉ kiểm soát được một phần dân. Thêm vào đó, Bắc Hà không phải là đất của Tây Sơn, dân vùng đó cũng không tin cậy được. Trái lại. Có lẽ Nguyễn Huệ là người am hiểu điều này nhất, nên trước khi mất (ngày 16-9-1792) ông gọi Trần Quang Diệu vào căn dặn phải chôn cất cho mau nội trong một tháng rồi dời kinh về Phuơng Hoàng Trung Đô. *Nếu không, quân Gia Định kéo tới, các người không có đất mà chôn đâu.*

Việc phá chùa chiêng là một lý do làm cho Tây Sơn không thu phục được lòng dân. Nó liên quan mật thiết với phong cách và phuơng thức cai trị của Tây Sơn. Chế độ Tây Sơn là một chế độ quân phiệt. Chính Nguyễn Huệ cũng công nhận như vậy. Không khí trong triều Tây Sơn là một *không khí sùng chuông vũ uy*, yếu tố quân sự lúc nào cũng giữ ưu thế.

..... *Để coi sóc công việc, bộ máy hành chánh trong nước phần lớn nằm trong tay các võ tướng.... chính sách chung là nhắm vào việc thành lập một đạo quân hùng mạnh.* (Đại Trưởng, 161, 214-216).

Vì phải luôn luôn sẵn sàng dùng binh, nên Tây Sơn cần lính. Trong tình trạng chính chiến liên miên, lính chết nhiều, dân mệt mỏi, thêm vào đó, đất nước phân chia, tinh thần địa phuơng mạnh, mô quân không phải là chuyện dễ. Muốn có quân, phải dùng phuơng pháp cuồng bách, có khi tàn nhẫn.

Năm 1786, lúc đem quân ra đánh Trịnh, Nguyễn Huệ phải lấy thêm quân ở Thuận Hóa và Bố Chính.

Trong khi từ binh Bắc Hà không còn, dân số sụt vì bị đối và dịch tể, đến nỗi phải lôi đàn bà đi đắp lũy

sửa đường, chỉ còn những người của các tôn giáo lẩn lút đứng ngoài chiến tranh là còn đồng đức. Cho nên từ Phú Xuân cho tới sông Gianh, chỉ trong 5 ngày, tất cả đều bị bắt đi. Tây Sơn phá chùa chiền và ép các nhà sư phải mang khi giới đi đánh giặc.

(Đại Trưởng, 137).

Năm 1787, lúc chuẩn bị đem quân vào Qui Nhơn đánh Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cần 60.000 binh, Nguyễn Huệ cho bắt tất cả mọi người từ 15 đến 60 tuổi phải ra trận... *Khi quân đi rồi không còn dân ông, ở nhà chỉ có đàn bà, kẻ mất cha, người mất con, kẻ mất chồng. Ở Qui Nhơn, hai ba lần giáp công, Nguyễn Huệ bị mất đến nửa số quân, nên lại phải lấy thêm quân Thuận Hóa, bắt những kẻ vừa đúng 15 tuổi.*

(Đại Trưởng, 148-149).

Ngoài binh sĩ, quân đội còn cần quân nhu, vũ khí, và ‘gân mạch của chiến tranh’ (the nerves of war) là tiền. Để có những thứ này, Tây Sơn cũng áp dụng những biện pháp triệt để: ‘cần kim khí, họ phá nhà thờ, chùa chiền, một phần để tìm các tượng và chuông về đúc súng đại bác’. Lúc Nguyễn Huệ dự bị mang quân đi đánh Nguyễn Nhạc ở Qui Nhơn, ở vùng Thuận Hóa ‘nhà thờ biến thành trại lính, tượng Phật bị lấy ra đúc súng đại bác, đúc nồi.

(Đại Trưởng, 149)

Để giải quyết nạn khan tiền, Nguyễn Hữu Chỉnh xin với Triều đình ‘ra lệnh thu hết tượng đồng các chùa đem về Kinh sư mỏ lò đúc tiền. Rồi Chỉnh thả cho thủ hạ đi khắp từ phía cướp bóc chuông, tượng của các làng xóm’. Vũ Văn Nhậm, viên Trấn thủ thay thế Chỉnh thì theo thói quen có sẵn... ông đã tận lực khai thác đất Bắc. ‘Người ta chỉ nghe đến mộ lính, quyên gạo, quyên tiền’.

(Đại Trưởng, 162)

Tận dụng nhân lực và tài sản của dân đã cung cấp cho Nguyễn Huệ phuơng tiện cần thiết để hành quân theo ý muốn, và tạo uy danh một vị tướng bách chiến bách thắng, nhưng đồng thời cũng gây oán thán trong dân chúng và gieo mầm cho những chuyển biến bất lợi cho Tây Sơn sau này.

Ngoài yếu tố quân sự còn những yếu tố khác có ảnh hưởng tướng tự. Một trong những yếu tố này là kỹ thuật. Về phuơng diện này phe Nguyễn Ánh tân tiến hơn phe Tây Sơn nhiều, nhờ Nguyễn Ánh đối xử khéo léo với người Tây phuơng và người Trung Hoa, và thấu hiểu tầm quan trọng của ngoại thương và bản chất của mậu dịch. Cuộc chiến Nguyễn-Tây Sơn xảy ra lúc người Tây phuơng đang tìm cách phát triển

ngoại thương và truyền giáo. Các chính quyền Á đông không muốn cho giáo sĩ vào lãnh thổ mình, nhưng đồng thời họ lại muốn có chiến cụ tinh xảo và sự hỗ trợ của ngoại nhân, nhút là về kỹ thuật. Tây Sơn cũng như Nguyễn Ánh đều vận động những đại diện Tây phương lập quan hệ mậu dịch và hỗ trợ mình. Gặp Charles Chapman, viên đại diện của Toàn quyền Anh ở Ấn độ, Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc vội vã bàn chuyện buôn bán, mồi mọc về nhà riêng, hứa tha thuế. Họ hỏi Charles Chapman có thể dùng tàu của ông ta giúp họ không, họ muốn có cố vấn Anh, tàu chiến Anh phụ giúp ‘để khuất phục nước Cao Miên đến tận Xiêm và các tỉnh Nam hà phía bắc còn trong tay quân Bắc hà. Đánh đổi lấy trợ giúp đó, Tây Sơn có thể nhường đất cho Anh quốc lập thương điểm.’

(Đại Trường, 75, 103)

Nhưng sự nghèo nàn của vùng đất Tây Sơn, sự cù xu không đẹp của Nguyễn Nhạc đối với thương nhân ngoại quốc, chính sách bài đạo của Tây Sơn làm cho người ngoại quốc không tin nhiệm Tây Sơn và kỳ vọng ở Nguyễn Ánh hơn.

Còn một lý do quan trọng khác khiến Tây Sơn không dùng ngoại thương và ngoại giao để tăng gia lực lượng và uy thế của mình được là sự thiếu giới trung gian cần thiết trong mậu dịch với ngoại quốc: người Trung Hoa. Người Hoa định cư ở Đàng Trong nhiều hơn (Hội An, Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên), rất thực tế, họ tin tưởng nhiều hơn ở Nguyễn Ánh, nhất là sau vụ Nguyễn Nhạc ra lệnh giết hơn 4000 người Tàu ở Gia Định. Cuộc tàn sát rất khủng khiếp. ‘Người Tàu, bất luận binh lính hay dân buôn, mới đến hay ở lâu, đều bị bắt giết, thây chất ngổn ngang vất đầy sông ngòi, đến nỗi nước ú không chảy, cả tháng hòn người ta không dám ăn tôm cá, uống nước sông. Một không khí khủng bố bao trùm khắp vùng: những ai có hàng Tàu trong nhà như vải, lụa, trà thuốc, hương giấy... đều vứt cả ra đường mà không người dám lượm.

(Đại Trường, 111-112)

Với diễn biến như trên, tất nhiên cảm tình và thiện chí của người Tàu đối với Tây Sơn không còn nữa. Và thiếu sự trung gian của lái buôn Tàu thì mậu dịch thiếu một mấu chốt quan trọng: dù Tây Sơn có nhiều sản vật xuất cảng đi nữa cũng không dễ dàng đưa ra ngoại quốc để đổi chác, và không có người mang vào bán những thức ăn Tây Sơn cần dùng.

Chính sách đối ngoại của Nguyễn Ánh thì ngược lại. Cũng như Tây Sơn, Nguyễn Ánh cần vật liệu, khí TSH150

giỏi, tàu chiến, kỹ thuật Tây phương. Nhưng Nguyễn Ánh áp dụng một chính sách rộng rãi cởi mở hơn. Không bài đạo; trái lại Nguyễn Ánh dám dùng một giám mục Công giáo làm cố vấn, và giao con trưởng thành cho vị giám mục này đi cầu viện nơi xa xôi. Ông đổi xu tốt với người Tây phương đã giúp ông, và nhất là biết sử dụng khả năng kỹ thuật và thương mãi của họ. Không những nhờ họ luyện binh, chế súng, xây thành, mà còn mang thô sản của Gia Định đi bán ở các nơi như Macao (lúc đó chưa có Hồng Kông), Manille, Batavia, Malacca (lúc đó chưa có Singapore), và ngay những nơi xa xôi như Pondichery và Goa ở Ấn độ. Năm 1799 Olivier được phép đi Malacca bán một thuyền cau, mang lại 3000 đồng. Năm 1800 Despiau được phép mua muối, gạo, và các vật dụng khác đi bán ở Ấn độ trên tàu mang cờ hiệu Gia Định. (Đại Trường, 206) Nhờ đó, Nguyễn Ánh có ngoại tệ dồi dào để mua nguyên liệu, súng ống, đạn dược, tàu bè.

Với người Tàu ông cũng đổi xu rất hậu, và họ cũng hết mình giúp đỡ ông trong lúc hoạn nạn, và hợp tác trong công việc khôi phục sơn hà. Cùng nhờ họ mà Đàng Trong có được những trung tâm buôn bán phồn thịnh như Hội An, Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên.

Nhờ chính sách trên, Nguyễn Ánh có ngoại tệ dồi dào trong các cuộc trao đổi thương mại cùng mua sắm dụng cụ vật liệu cải tiến kỹ thuật. Ông đã ‘làm một nhà máy chế diêm tiêu ở Phiên Trấn, khai một mỏ sắt, xây các lò đúc, chế hàng ngàn súng mồi lửa, các súng đại bác đủ cỡ. Chế Tạo Cục của ông thiết lập liên miên đúc súng, đóng tàu, và cả tàu vỏ đồng.’

(Đại Trường, 236)

Về thủy quân, Gia Định hòn hòn Tây Sơn, với hậu quả dễ đoán. Với một nước có bờ biển dài như Việt Nam, phe lâm chiến nào phối hợp được thủy lục quân tất sẽ có lợi thế quyết định về chiến thuật và chiến lược. Thủy quân vốn là ưu tiên của Nguyễn Ánh, được trang bị rất tốt, có cả tàu vỏ đồng, binh lính được huấn luyện kỹ, hỏa lực rất mạnh (trong trận đánh Thị Nại có hai chiến thuyền thiết bị 26 đại bác, một thuyền thiết bị 32 đại bác. Khi tiến vào Thị Nại, chiếc tàu vỏ đồng của Nguyễn Ánh là ‘một kinh ngạc lớn’ cho Tây Sơn. (Đại Trường, 321, 237)

Cho nên ‘Thủy chiến là sở trường của ta’, Nguyễn Ánh có thể tự hào như vậy (Đại Trường, 235).

Về pháo binh, không những Nguyễn Ánh có súng lớn, mà còn có cả đại bác lưu động, gắn bánh xe do

trâu kéo. Do đó, Nguyễn Ánh có thêm một lợi thế chiến thuật rất lớn trên bộ. Một chi tiết (tưởng) cần thêm: khi thám sát trận chiến với quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh dùng ống viễn kính (longue vue) như Napoléon ở chiến trường Âu Châu! Thật là ‘une première’ trong lịch sử Việt Nam.

Hiểu rõ tầm quan trọng của ngoại thương, đặc biệt hơn cả, Nguyễn Ánh thấu hiểu bản chất của thương mại. Có lẽ ông là người nắm chính quyền duy nhất ở Việt Nam từ xưa đến nay (1997) hiểu rằng:

1/ thương mại là phuông thức hữu hiệu để phát triển tài nguyên và lực lượng quốc gia, đem lại thịnh vượng cho dân chúng, chứ không phải là một hiểm họa cần ngăn chặn với chính sách bế quan tỏa cảng; 2/ thương mại là trao đổi lưỡng lợi, có đi có lại, thương lượng thỏa hiệp trong bình đẳng và tự do; 3/ thương mại phải có trung gian - thương nhân - được tự do mua bán kiếm lời, không bị nhà cầm quyền khi dễ, nghi kỵ, hờn ghét, bắt chẹt, uy hiếp; 4/ muốn thương mại phải có hàng có giá trị trên thị trường - có người tìm mua - để trao đổi.

Vì thông hiểu những điều căn bản này nên Nguyễn Ánh mở rộng cửa, khai thác triệt để khả năng ngoại thương của Gia Định. Ông chú ý đặc biệt đến những sản phẩm mà ngoại nhân tìm mua như cau, gạo, đường, lâm sản. Ông ‘nhắc đi nhắc lại cho dinh Trần Biên biết rằng đường cát cần thiết, dùng để đổi binh khí Tây phuông nên phải có chính sách riêng’. Gạo cũng là một sản phẩm xuất cảng quan trọng, dùng đổi lấy sắt, gang, chì, lưu hoàng. Như trên đã nói Nguyễn Ánh sai những người Pháp đang phục vụ ông mang hàng hóa đến những thương cảng quốc tế lớn bán lấy ngoại tệ và mua hàng cần dùng đem về. Nhờ đó Đàng Trong tạo được một lực lượng quân sự mạnh mẽ và tân tiến. Những trao đổi mua bán thực hành ‘theo giá chợ’, tức giá thị trường, với luật lệ và thuế má rõ ràng và thi hành nghiêm minh.

Để có sản phẩm cần thiết cho nhu cầu nội địa và xuất cảng, Nguyễn Ánh có một chính sách đòn điền nhằm vào việc khai phá đất đai làm ruộng ‘bắt mọi người không dùng được, phải tham gia với sự đôn đốc, kiểm soát, trợ giúp của chính phủ. Chính sách nông nghiệp cuồng ép, tận dụng nhân công được áp dụng trên một qui mô rộng lớn khiến vùng Gia Định trở nên phồn vinh, sản xuất dồi dào, quyến rũ được đám nông dân nghèo đói Bình Thuận, Phú Yên... bỏ xú chạy vào làm tăng dân số, uy tín nội bộ cho Nguyễn

Ánh, đủ binh lương cho quân lính dùng khi tràn ra phía bắc... Lúa gạo nhiều là một sản phẩm trao đổi được để từ đó làm giàu cho quốc khố’

(Đại Trường, 225-227)

Một yếu tố quan trọng nữa giúp cho Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn là nhân tâm hướng về Chúa Nguyễn!

Lạy Trời cho chóng gió nồm,

Cho thuyền Chúa Nguyễn gióng buồm ra khơi.

Về phía Tây Sơn, những vụ bắt lính tàn nhẫn và đập phá chùa chiềng để có quân và súng, những sự lộng quyền, hiếp vua, những nhiễu dân của các Trấn Vũ Bắc Hà Nguyễn Hữu Chỉnh và Vũ Văn Nhậm gây tha oán trong dân chúng. Cuối cùng vụ anh em Tây Sơn, Huệ, Nhạc dàn binh đánh nhau ở Qui Nhơn, và Tây Sơn thanh toán nhau ở Bắc Hà, làm cho Tây Sơn mất uy tín với dân, và đẩy dân hướng về Chúa Nguyễn.

Về phía Vua Lê, thì sau khi Lê Chiêu Thống kêu gọi quân Tàu vào Việt Nam, rồi phải bỏ chạy sang Trung Hoa, uy tín nhà vua đã tiêu tan đối với dân chúng Bắc Hà. Sùng Nhượng Công Lê Duy Cẩn do Vũ Văn Nhậm đưa lên làm ‘Giám Quốc’, rõ ràng là một bù nhìn không quyền, không uy, chẳng được ai để ý đến cả. Do đó, Nguyễn Ánh không còn phải ‘Phò Lê’ nữa, và cuộc tiến quân ra bắc chỉ còn một mục tiêu là ‘Diệt Tây Sơn’, mục tiêu phù hợp với nhân tâm suốt từ Gia Định đến Qui Nhơn, từ Phú Xuân đến Thăng Long.

Sử gia Trần Trọng Kim ví cuộc tướng tranh giữa Nhà Nguyễn và Tây Sơn như chuyện ‘hai người anh hùng đuổi một con hổ’ (T.T.Kim, II, 129).

Nguyễn Ánh rốt cục là người bắt được hổ. Nguyễn Ánh, chủ không phải Nguyễn Nhạc hay Nguyễn Huệ, là người thắng trận cuối cùng. Theo T.T.Kim, việc Nguyễn Ánh thu phục được cõi nghiệp nhà Nguyễn và thống nhất cả nam bắc lại làm một là ‘mệnh trời’.

Theo tín ngưỡng Á Đông thì vậy. Nhưng, dù tin hay không, có một điều chắc chắn là, ngoài những yếu tố khách quan nói trên, còn hai yếu tố giúp Nguyễn Ánh nữa, là ông ta đã gặp nhiều may mắn, và ông là người bản lĩnh phi thường.

May mắn đầu tiên là trong vụ xáo trộn kế vị khi Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát mất, ông không bị thanh toán. Thân phụ ông, công tử Luân bị gạt ra, tuy rằng ông là con thứ hai của Chúa Khoát, và người được Chúa có ý định chọn làm thế tử sau khi con trưởng của Chúa, công tử Chương và con của ông

này, công tử Hiệu, đều mất. Theo ‘thông lệ’ thời đó, công tử Luân và Nguyễn Phúc Ánh đáng lẽ cũng bị thanh toán. Nhưng việc này đã không xảy ra, và khi Duệ Tông bỏ Phú Xuân chạy vào Gia Định, ông mang theo không những công tử Dưỡng, mà cả Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó mới 14 tuổi.

May mắn thứ hai là năm 1777 cả Duệ Tông lẫn Tân Chính Vuông đều bị Tây Sơn giết, trong khi Ánh thoát được, và như vậy trong hàng ngũ thân thích chỉ còn Ánh là người đủ tư cách kế vị. Có thể nói rằng Nguyễn Ánh may mắn hơn Nguyễn Huệ vì ông là người có bản lĩnh lại được đặt vào địa vị số một, trong khi Nguyễn Huệ, bản lĩnh hơn Nguyễn Nhạc lại không được ở địa vị đó để thi thoả tài năng.

May mắn thứ ba là Ánh đã thoát chết được trong nhiều trường hợp lật lùng khi bị Tây Sơn đuổi bắt: năm 1782, nhờ mưa bão thoát khỏi được vòng vây rất ngặt của Tây Sơn ở Phú Quốc; năm 1783, nhờ biết bơi rồi được trâu cứu khi thuyền bị đánh đắm và binh sĩ chết hết, và nhờ gặp một dòng nước ngọt khi lênh đênh trên biển cả bảy ngày; nhờ gặp Giám Mục Bá Đa Lộc, người đã giúp ông canh tân hóa lực lượng quân sự; nhờ anh em Tây Sơn chia rẽ chống đối nhau làm phân tán lực lượng, nhất là trong giai đoạn quan trọng cuối cùng, Nguyễn Quang Toản giết Nguyễn Văn Bảo, con Nguyễn Văn Nhạc, năm 1798, đúng vào lúc Nguyễn Ánh đang cố hạ thành Qui Nhơn, thủ đô của Tây Sơn. Nguyễn Ánh may mắn nhờ Nguyễn Huệ sai lầm cẩn bản về chiến lược, nhầm miền bắc trước khi có hậu cần vững chắc ở miền nam nên bị vuông mắc vào những khó khăn chính trị ở Bắc Hà và tranh chấp với Trung Quốc; nhờ Nguyễn Huệ mất ở một giai đoạn quyết liệt, năm 1792, lúc Nguyễn Ánh bắt đầu cuộc tổng phản công đại quy mô. Và, quan trọng nhất, nhờ Cách Mạng Pháp bùng nổ và Louis XVI bị lật đổ năm 1789, và Giám Mục Bá Đa Lộc mất năm 1799. Tầm quan trọng của hai sự kiện này rất lớn, nên cần đi sâu vào chi tiết hơn.

Cũng như Tây Sơn, Nguyễn Ánh cầu viện Tây phuông và sẵn sàng chấp nhận một số nhân nhượng, kể cả nhượng đất. Năm 1784 là năm đen tối nhất của Nguyễn Ánh. Ông bị dồn vào một thế hầu như tuyệt vọng nên phải nhờ Giám Mục Bá Đa Lộc dẫn Hoàng Tử Cảnh (lúc đó mới 4 tuổi) làm con tin đi Pháp cầu viện. Bá Đa Lộc, được toàn quyền, ký với Vua Louis XVI một hiệp ước (ngày 28/11/1787), trong đó có những điều khoản có thể gây khó khăn lớn cho

Nguyễn Ánh sau này, đặc biệt là cho Pháp độc quyền buôn bán ở Việt Nam và nhuộng đất Hội An và Poulo Condore. Về phía Pháp, Vua Louis XVI cam kết sẽ cấp cho Nguyễn Ánh một số quân, tàu, và khí giới. Phần khác, Giám Mục Bá Đa Lộc có một địa vị rất cao ở Triều Nguyễn, tương đương với chức ‘cố vấn tối cao’ ngày nay. Ông lại có một ảnh hưởng khá mạnh trên Hoàng Tử Cảnh, làm cho quân thần xầm xì về nguy cơ Đông Cung ‘cải đạo’ (bỏ Nho giáo theo Công giáo).

Vua Louis XVI không còn, nên hiệp ước trên cũng dẹp. Giám Mục Bá Đa Lộc mang hiệp ước về đến Gia Định tháng 7 năm 1789, lúc Nguyễn Ánh đã ở thế thắng, hai năm trước đó (1787) ông đã vào Sài Gòn, và lúc Bá Đa Lộc về đến Cần Giờ, ông đã làm chủ toàn thể Gia Định, có đủ điều kiện gây lực lượng chuẩn bị bắc tiến. Lúc này ông không cần ngoại viện nữa. Cách Mạng Pháp xảy ra lúc đó là một điều may mắn cho Nguyễn Ánh: vì hiệp ước 1787 không thi hành, ông khỏi ở thế chịu ôn và lép về đối với Pháp. Đối với Giám Mục Bá Đa Lộc và những người Pháp phục vụ ông, trên đất Việt Nam ông là chủ, là lãnh tụ tối cao. Sự tự do hành động của ông lại hoàn toàn hơn nữa khi Giám Mục Bá Đa Lộc mất năm 1799, ngay lúc ông sắp toàn thắng và làm chủ không những Đàng Trong, mà cả Đàng Ngoài. Ông không còn mắc nợ ngoại nhân, nhất là vị giám mục Công giáo có nhiều công lao và tham vọng.

Cách Mạng Pháp và sự kiện Pháp không viện trợ cho Nguyễn Ánh có hậu quả giảm bớt sự hiện diện của người Pháp quanh Nguyễn Ánh. Trước đó có khoảng 140 quan binh Pháp giúp việc cho ông (trong đó có 80 bộ binh, 40 thủy binh), nhưng sau 1894 họ rút đi gần hết. Những người còn lại đóng một vai trò kín đáo hơn, ở hậu trường thay vì ở hàng đầu.

Những yếu tố trên cho ta kết luận rằng Nguyễn Ánh thắng Tây Sơn căn bản không phải là nhờ người Pháp. Sự trợ giúp của Pháp có, nhưng chỉ ở cấp cá nhân và rất giới hạn, không thể nói là quyết định được. Nguyễn Ánh thắng nhờ những lỗi lầm của nhà Trịnh và Tây Sơn, nhờ có đất Gia Định làm hậu cần, nhờ lòng dân hướng về ông và Nhà Nguyễn. Còn một yếu tố cuối cùng, không kém quan trọng, là ông là một người xuất chúng, có bản lĩnh phi thường.

Người ta tả ông là người gan dạ, không thô kệch, dồi dào biến trá trong mọi tình thế. Ý tưởng đúng đắn; không khi nào khó khăn ngăn chặn được ông và chướng ngại không làm ông lùi bước... Cử chỉ của ông đối với

người ngoại quốc rất hòa nhã. Các sĩ quan đuổi quyền ông rất kính phục... Ông cương quyết nhưng không hung tàn, ông hay nghiêm trị nhưng theo luật lệ... Ông có đủ đức của tâm hồn cũng như của trí tuệ... Lớn lên trong tai ưởng, ông chịu đựng được nghịch cảnh một cách can đảm... Hăng hái, thông tuệ, thẳng thắn, ông hiểu ngay từ lúc đầu những việc phức tạp nhất. Ông nhớ mọi chuyện rất tài và ông bắt chước rất dễ dàng. Ông rất cần mẫn. Ban đêm ông đọc nhiều. Ông rất tò mò tìm hiểu. (Đại Truồng, 97-98)

Nếu, như Trần Trọng Kim quan niệm, cuộc tướng tranh Nguyễn-Tây Sơn là một chuyện ‘hai anh hùng đuổi một con huỷ’ và ‘mệnh trời’, thì, trong cuộc săn đuổi này, Nguyễn Ánh, thay vì Nguyễn Huệ, là người đã bắt được huỷ. Đó là một dữ kiện lịch sử khách quan không phủ nhận được. Nếu vậy thì người quan sát chính sự phải công nhận rằng, ngoài ‘mệnh trời’, nhờ những đức tính nêu trên, chưa kể những khả năng và yếu tố khác, mà Nguyễn Ánh đã bắt được huỷ, nghĩa là Nguyễn Ánh có một cái gì đó mà Nguyễn Huệ không có. Cái gì đó đã giúp ông thắng trận cuối cùng, trả lại Phú Xuân ca khúc khải hoàn trong một cuộc tranh đấu gắt gao, gian khổ, kéo dài 28 năm trời, và chấm dứt 250 năm nội chiến và đất nước phân chia.

Lịch sử của cuộc tướng tranh Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn là một lịch sử đầy bài học về chính trị và lãnh đạo. Nhưng muốn rút tóm được những bài học thật hữu ích ta phải đọc lại lịch sử đó một cách khách quan, với một thái độ và một cách tiếp cận mới. ■

1) Những dữ kiện lịch sử về giai đoạn này kháo trích ở ba tác phẩm sau đây: 1/ Phan Khoan: Việt sử: xú đảng trong, 1558-1777, 2 tập, Xuân Thu, Houston, Texas, in lại, 1975; Tạ Chí Đại Truồng: Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802, Văn học, Sài Gòn, 1973; Trần Trọng Kim: Việt Nam sử lược, 2 tập, Đại Nam, Glendale, CA, in lại (Năm....?)

2) Bằng chứng là khi Cụ Phan Bội Châu vào Nam vận động chính trị, có rất nhiều người hỗ trợ, và Hoàng Thân Cường Đế được đối xử với rất nhiều cảm tình trong giới người Nam. Xem: Phan Bội Châu, Niên Biểu, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Sài Gòn, 1971. Sau năm 1946, một lần nữa, Miền Nam tỏ lòng quyến luyến với họ Nguyễn bằng cách tôn Cựu Hoàng Bảo Đại làm quốc trưởng.

3) Nguyễn Huệ có ý định phái người sang Bắc Kinh cầu hôn và đòi Quảng Đông, Quảng Tây. Nếu ông ta còn sống, không biết bang giao giữa Trung Quốc và Việt Nam sẽ ra sao.

Hoa Rừng

Xuân đã qua rồi, qua thật nhanh
Hoa xuân vẫn cố níu trên cành
Một làn gió thoảng và tình qua
Tan tác hoa rơi, cánh mỏng manh.

Ai biết rằng ta mãi dài chờ
Mỗi chiều bên cửa - từ ngày thơ
Nhìn hoa vương vãi trên nền cỏ
Hoa úa, lòng ta cũng thẩn thờ.

Tôi nghiệp làm sao hoa tà tôi
Phản hương còn tòa giữa đất trời
Xác hoa nghiêm ngặt đau người nhất
Hồn mộng thương thầm phản nhỏ nhoi.

Ta sẽ vì hoa úa lệ đây
Khúc hèn trong trắng, kiếp tàn phai,
Trần gian mệt thoảng sắc hương ấy
Vào cõi hụ và lim giác dài...

Linh Chi

Chiều Bảng Lảng

Tôi nói vừa lỡ chuyến đò
Ở đây Ba Bến gọi o bến nào?
Bến này chiều đã qua mau
Bến nào là hẹn hòm sau lại về?

Bến nào nửa mảnh trắng thế?
Ai ôm trắng đó đi về chiếm bao
Ngàn Bờ nước chảy nao nao
Ở đây Ba Bến, bến nào Van Niên?

Bến trời Bảng Lảng tình duyên
Anh còn đứng đợi chiều nghiêm lim đền
Van Niên bóng râm cây rừng
Con đường lối nhỏ chờ Tuần vắng tanh.

Khang Lang